CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Vạn Phát Hưng

Ngày 31/12/2024	7,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.6%	-	-

DT thuần
Q4/24
12.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.10| -33.3%
YoY: ▼14.6| -54.4%

LN thuần
Q4/24
-19.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼242| -109%
YoY: ▼43.6| -181%

LN sau thuế
Q4/24
-10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼194| -106%
YoY: ▼33.8| -148%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
483%
YoY: +/-▲ 382%

ROE
2024
12.7%
YoY: +/-▲ 12.8%

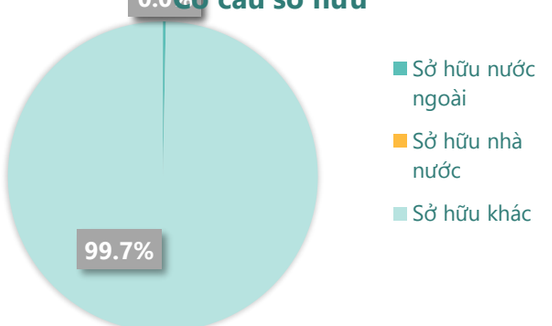
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,181 - 9,073
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	672
Số lượng CPLH (CP)	95,357,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	117,125
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.91
EPS	1,407
P/E	5.0

DT thuần
2024
46.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.9| -36.8%

LN thuần
2024
163
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 176| 1332%

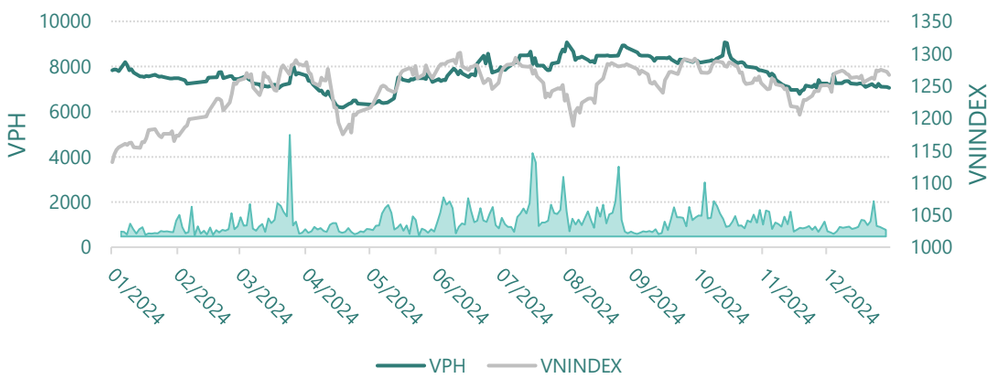
LN sau thuế
2024
134
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 135| 16435%

Cơ cấu sở hữu

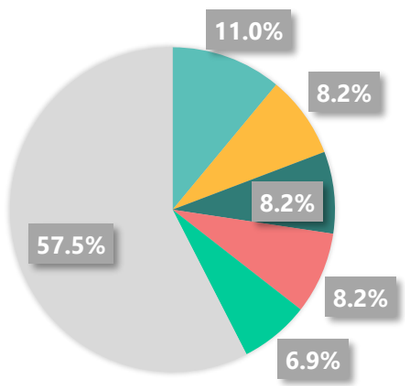


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

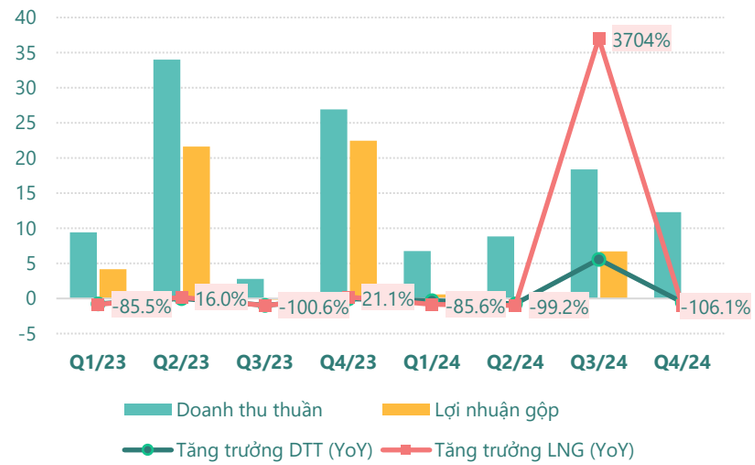


- Võ Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Võ Nguyễn Như Nguyện (Chủ tịch HĐQT)
- Võ Phan Hồng Ngọc
- Võ Phan Khôi Nguyên
- Phan Tiết Hồng Minh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

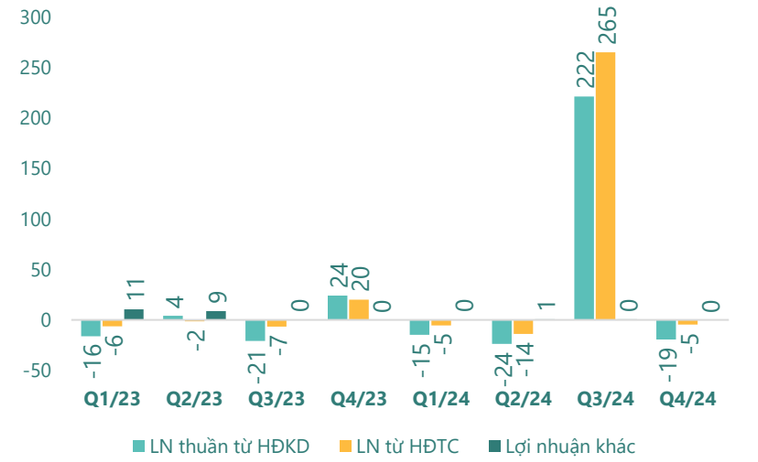
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



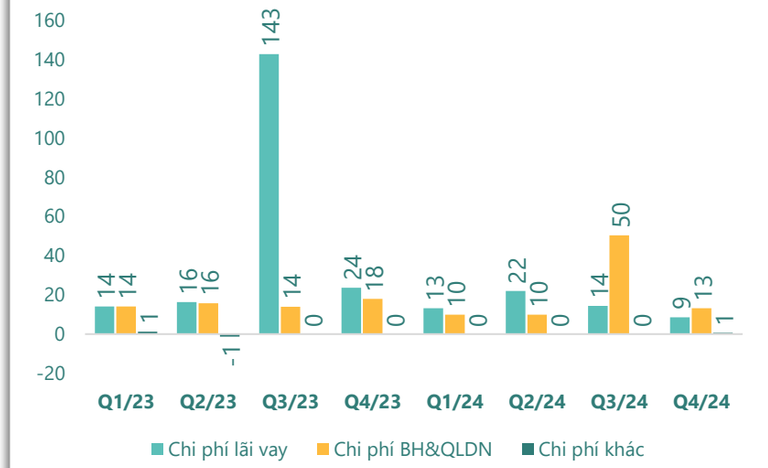
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



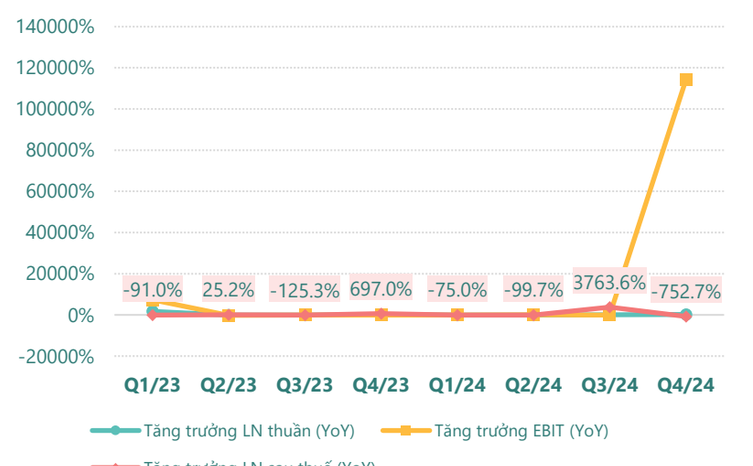
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



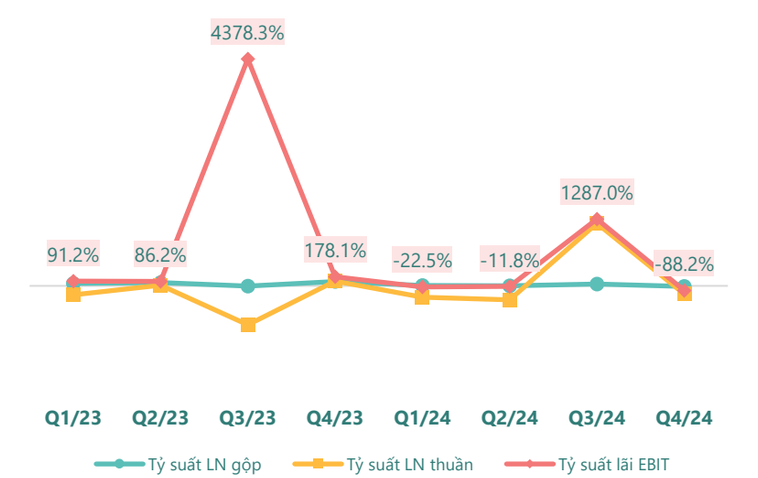
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



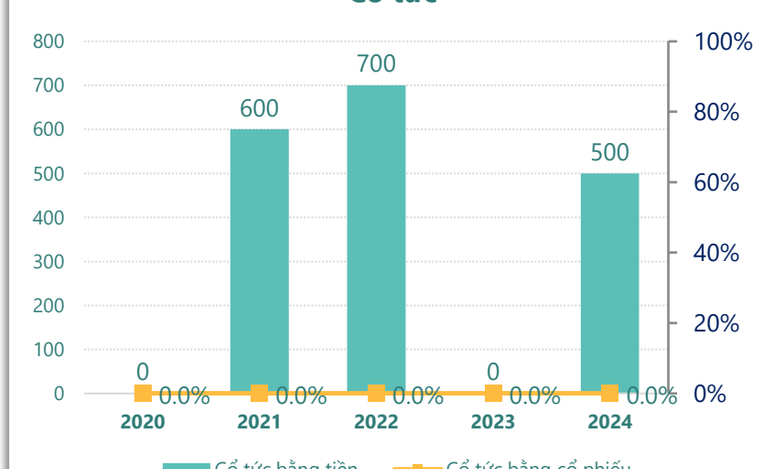
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

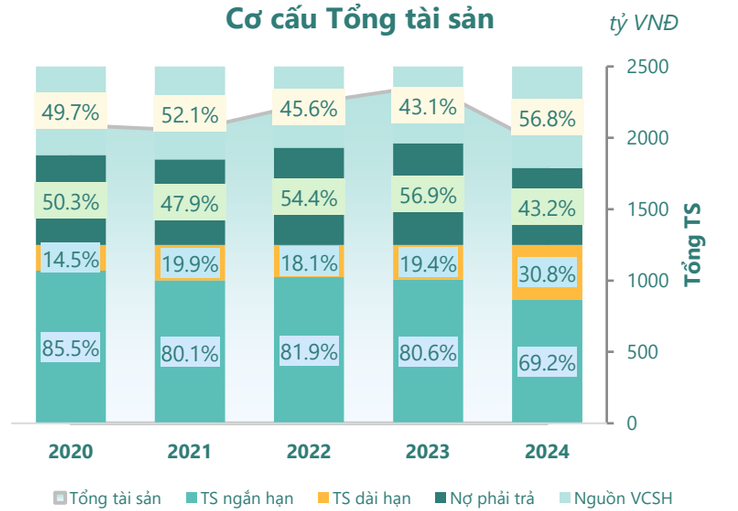
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

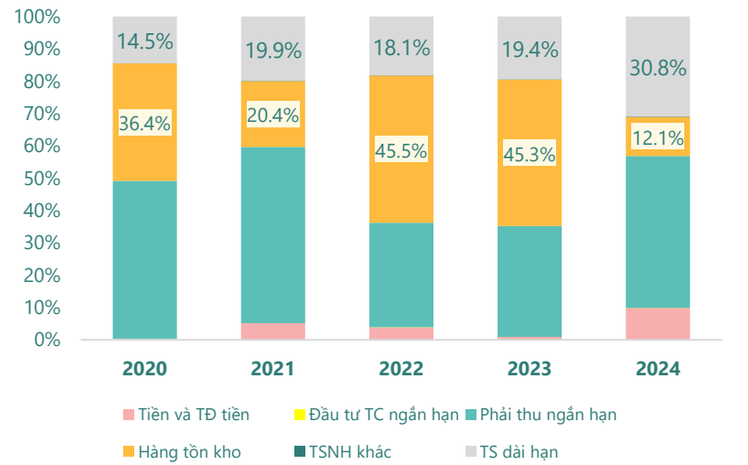
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



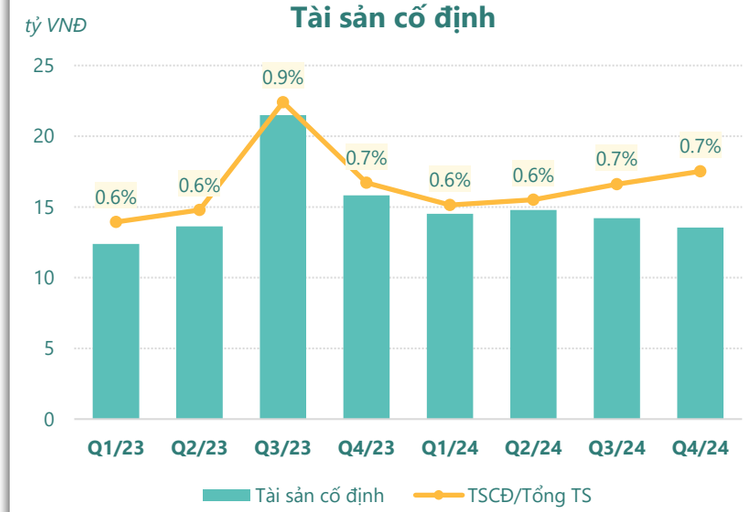
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



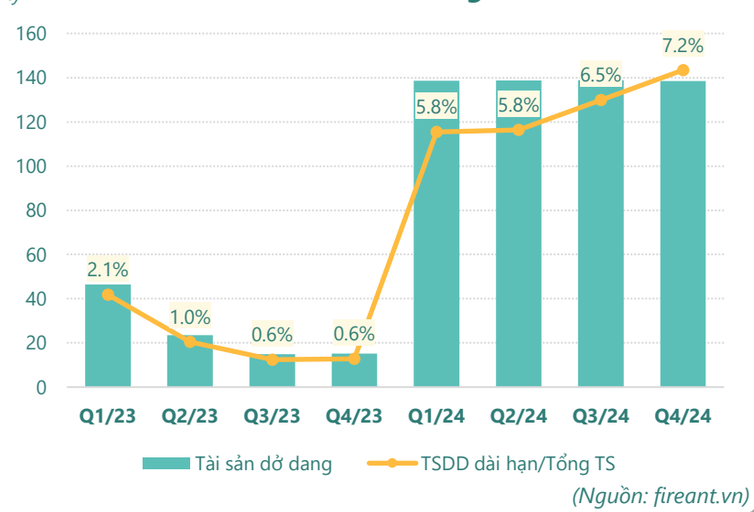
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



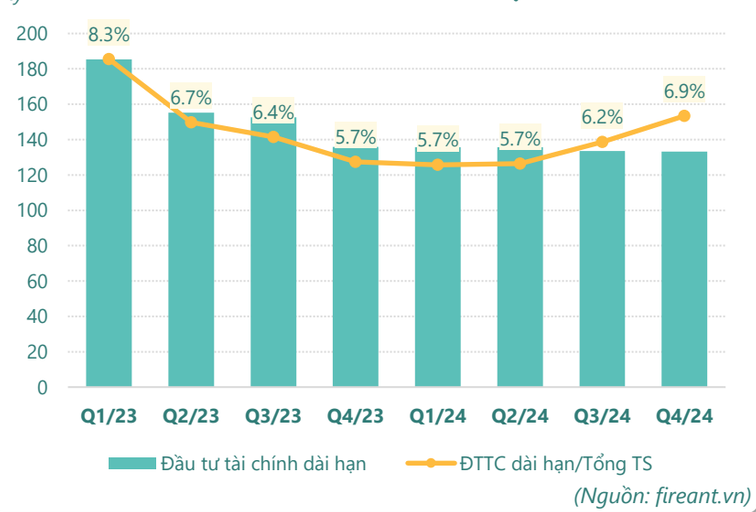
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



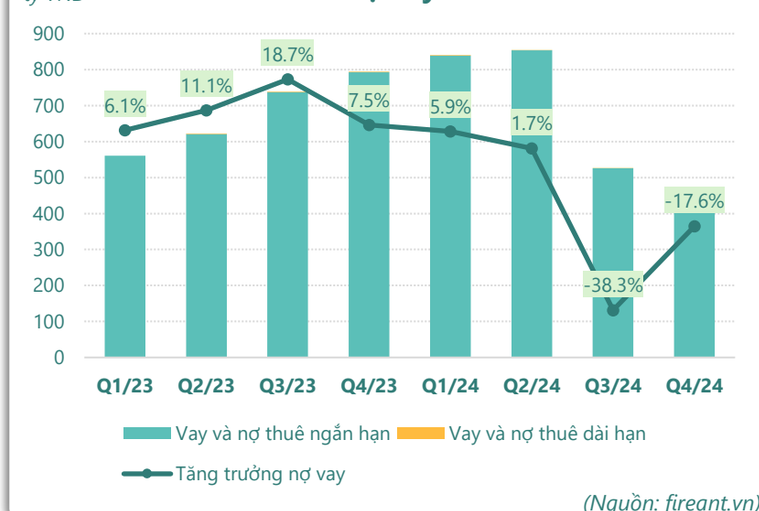
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

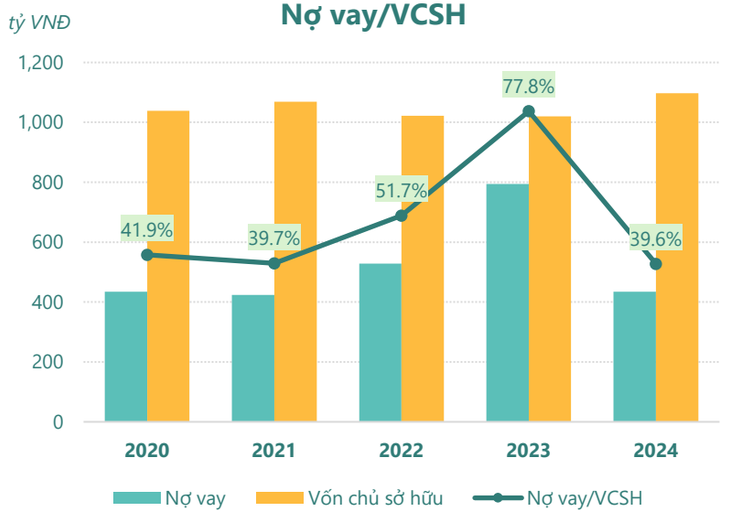
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

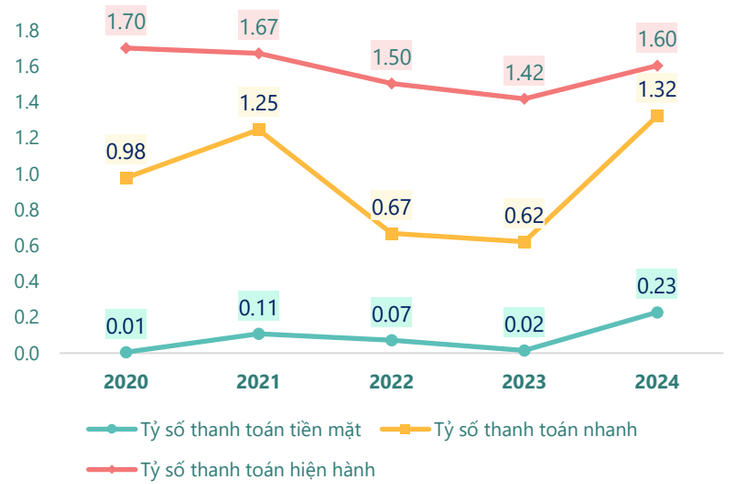
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



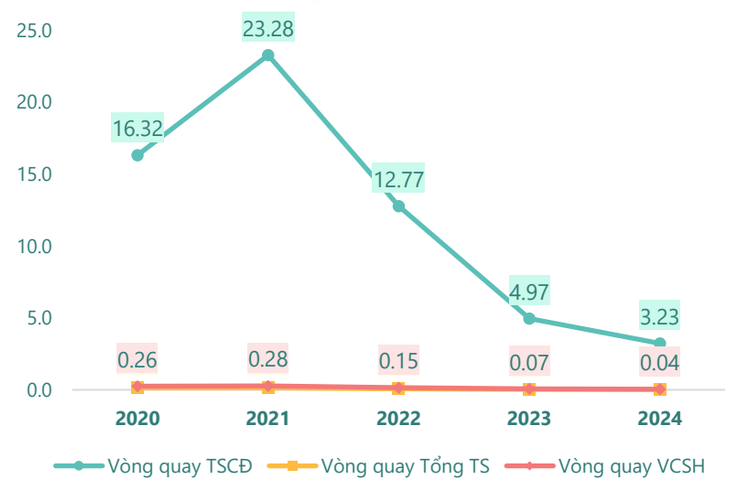
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



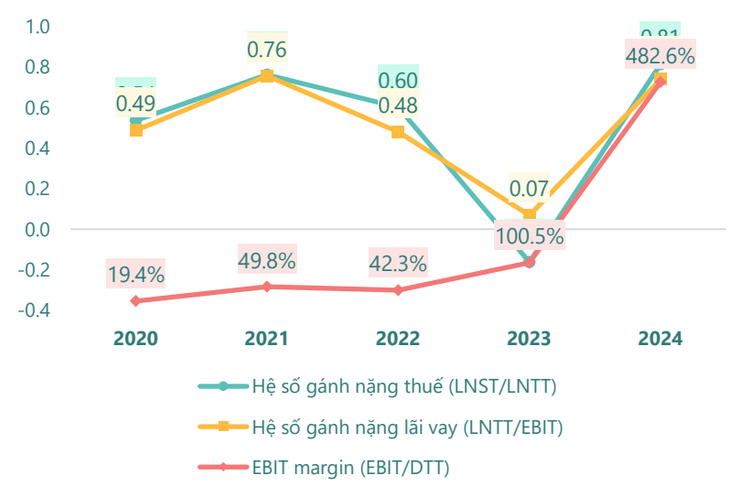
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



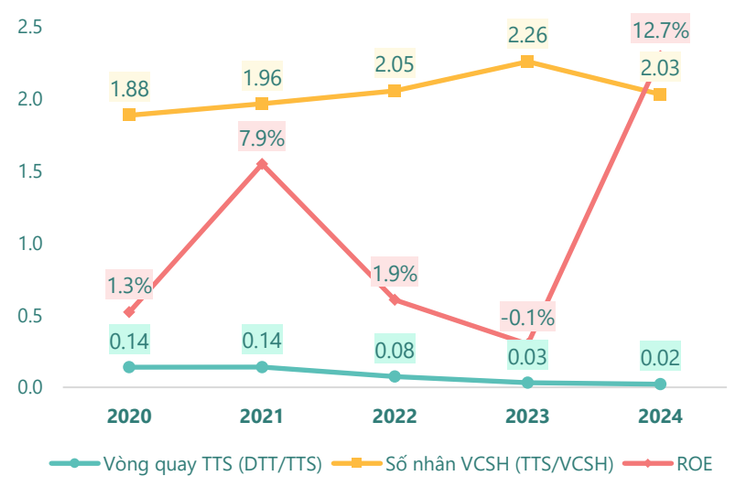
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



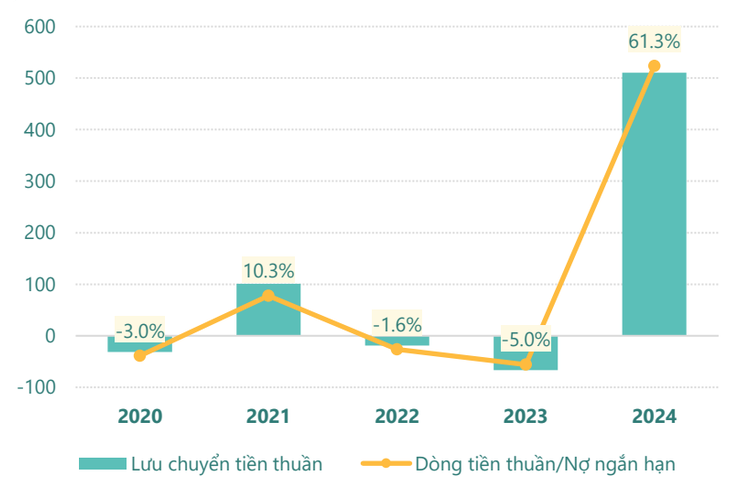
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.3**	**26.9**	**-54.4%**	**46.2**	**73.1**	**-36.8%**
Giá vốn hàng bán	13.7	4.49	204%	40.1	29.5	35.9%
Lợi nhuận gộp	-1.38	22.4	-106%	6.10	43.6	-86.0%
Doanh thu HĐTC	8.38	43.9	-80.9%	380	73.4	418%
Chi phí TC	13.1	23.7	-44.7%	139	68.9	101%
Chi phí lãi vay	8.61	23.6	-63.5%	58.1	68.5	-15.1%
LN trong công ty LKLD	**-0.26**	**-0.59**	**55.9%**	**-0.56**	**0.43**	**-231%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		40.2	2.35	1611%
Chi phí QLDN	**13.1**	**17.9**	**-26.7%**	**43.2**	**59.5**	**-27.3%**
LN thuần từ HĐKD	-19.5	24.1	-181%	163	-13.3	1332%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.20**	**-87.2%**	**1.44**	**18.3**	**-92.2%**
LN trước thuế	-19.4	24.3	-180%	165	5.06	3158%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.9**	**22.9**	**-148%**	**134**	**-0.82**	**16435%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-10.9**	**22.9**	**-148%**	**134**	**-0.85**	**15853%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-118	-305	-88.5	-56.4	-217	-79.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.1	215	25.6	45.4	995	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	97.9	97.0	46.5	20.9	-430	-68.6
Tiền đầu kỳ	19.7	13.3	20.7	4.29	14.2	362
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.41**	**6.74**	**-16.4**	**9.90**	**348**	**-172**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.64	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.3	20.7	4.29	14.2	362	190

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,931**	**2,366**	**-18.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,336	1,908	-30.0%
Tiền và tương đương tiền	190	20.7	818%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.13	0.13	0.0%
Phải thu ngắn hạn	907	813	11.6%
Hàng tồn kho	234	1,072	-78.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.65	1.95	138%
Tài sản dài hạn	**595**	**459**	**29.6%**
Phải thu dài hạn	230	99.7	130%
Tài sản cố định	13.5	15.1	-10.2%
Bất động sản đầu tư	9.46	8.99	5.2%
Tài sản dở dang	138	139	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	133	136	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	**8.41**	**11.0**	**-23.2%**
Lợi thế thương mại	62.0	49.7	24.6%
Nợ phải trả	834	1,346	-38.1%
Nợ ngắn hạn	**833**	**1,345**	**-38.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	434	793	-45.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.75	2.94	-6.6%
Nợ dài hạn	0.31	1.31	-76.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,097**	**1,020**	**7.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,097**	**1,020**	**7.5%**
Vốn điều lệ	954	954	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)